

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại núi Hang Khuôn, xã Thạch Cẩm, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá của Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Phúc An

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành luật bảo vệ môi trường và quy hoạch quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Căn cứ Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số 257/QĐ-UBND ngày 21/01/2021 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án khai thác mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại xã Thạch Cẩm, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa;

Theo kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) Dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại núi Hang Khuôn, xã Thạch Cẩm, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá của Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Phúc An tại Thông báo số 2508/STNMT-BVMT ngày 07/4/2021; nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án nêu trên đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 12/CV-PA ngày 12/4/2021 của Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Phúc An;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 261/Tr-STNMT ngày 19/4/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác mỏ đá vôi làm VLXD thông thường (sau đây gọi là dự án) của Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Phúc An (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại núi Hang Khuôn, xã Thạch Cẩm, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, với các nội dung chính tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định của pháp luật.

2. Lập kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của dự án gửi Sở Tài nguyên và Môi trường và UBND tỉnh trước ít nhất 20 ngày làm việc, kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm.

3. Lập hồ sơ đề nghị kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường (bao gồm công trình xử lý chất thải và các công trình bảo vệ môi trường khác) trước khi hết thời hạn vận hành thử nghiệm 30 ngày trong trường hợp các công trình bảo vệ môi trường đáp ứng yêu cầu theo quy định của pháp luật.

4. Thực hiện nghiêm túc nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu bảo vệ môi trường của dự án.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND huyện Thạch Thành, Giám đốc Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Phúc An và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4 QĐ;
- Bộ TN&MT (để báo cáo);
- Sở TN&MT (10 bản);
- Các ngành có liên quan;
- Lưu: VT, Pg NN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Đức Giang

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
Dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác mỏ đá vôi làm VLXD thông
thường tại núi Hang Khuôn, xã Thạch Cẩm, huyện Thạch Thành, tỉnh
Thanh Hoá của Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Phúc An
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2021 của
Chủ tịch UBND tỉnh)

1. Thông tin dự án

1.1. Tên dự án: Dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác mỏ đá vôi làm VLXD thông thường tại núi Hang Khuôn, xã Thạch Cẩm, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá.

1.2. Chủ dự án: Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Phúc An.

- Người đại diện: Ông Lê Công Hưng - Chức vụ: Giám đốc.

- Địa chỉ trụ sở: Lô số 09, KCN Tây Bắc Ga, phường Đông Thọ, TP Thanh Hoá.

1.3. Diện tích thực hiện dự án:

Tổng diện tích thực hiện dự án: 74.689 m²; trong đó, diện tích khu vực khai thác: 46.860 m²; diện tích khu vực khai trường: 27.829 m².

1.4. Ranh giới khu đất:

- Phía Tây và phía Nam giáp sườn núi đá;

- Phía Bắc giáp đường vào mỏ;

- Phía Nam giáp đất trồng hoa màu.

1.5. Công suất dự án:

Công suất khai thác: 35.000 m³/năm (trong đó: 100% đá làm vật liệu xây dựng thông thường).

1.6. Tuổi thọ dự án: 30 năm, trong đó thời gian xây dựng cơ bản mỏ là 05 tháng.

2. Các tác động môi trường chính của dự án (Giai đoạn hoạt động của dự án)

2.1. Quy mô, tính chất của nước thải

- Nước thải rửa tay chân, tắm giặt có lưu lượng khoảng 0,84 m³/ngày.đêm; nước thải nhà ăn có lưu lượng 0,336 m³/ngày.đêm; nước thải từ quá trình vệ sinh cá nhân (đại tiện, tiểu tiện) khoảng 1,26 m³/ngày. Thành phần chủ yếu: Chất rắn lơ lửng, các hợp chất hữu cơ, chất hoạt động bề mặt, Coliform,...

- Nước mưa chảy tràn cuốn theo bùn đất, rác thải khu vực có lưu lượng 14.003 m³/ngày.

2.2. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải

Bụi, khí thải phát sinh từ các hoạt động: Khoan lỗ mìn, nổ mìn, bốc xúc, trút đổ đá và đất thải, nghiền sàng; quá trình vận chuyển; đốt dầu DO. Thành

phần chủ yếu: bụi; CO; SO₂ và NO₂.

2.3. Quy mô tính chất của chất thải rắn thông thường

- Chất thải rắn sinh hoạt gồm thức ăn thừa, nhựa, vỏ chai nhựa, nilon,... phát sinh khoảng 16,8 kg/ngày.

- Đất đá thải của quá trình khai thác chủ yếu là lớp đất xen kẹp trong đá với khối lượng 700 m³/năm.

2.4. Quy mô tính chất của chất thải nguy hại

Dầu thải phát sinh khoảng 70 lít/năm; thùng phuy, can, vỏ nhựa, giẻ lau dính dầu,... phát sinh khoảng 10 kg/tháng.

2.5. Các tác động không liên quan đến chất thải

- Tác động do nổ mìn: Tác động đến người và công trình, máy móc, thiết bị,... do đá văng trong quá trình nổ mìn.

- Tiếng ồn chủ yếu phát sinh từ hoạt động khoan nổ mìn, của các phương tiện vận chuyển, thiết bị khai thác như máy xúc, ô tô vận chuyển, nghiền sàng.

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường (Giai đoạn hoạt động của dự án)

3.1. Về thu gom và xử lý nước thải

- Nước mưa chảy tràn tại khu vực mỏ thoát theo địa hình tự nhiên; khu vực sản xuất công nghiệp được thu gom qua hệ thống rãnh thoát nước hở dài 350m (kích thước: 1,2mx1m), được dẫn về ao lắng 02 ngăn có tổng thể tích 1.200 m³ (mỗi ngăn dài 20 m x rộng 15 m x sâu 2m) để xử lý; nước tại ngăn lắng số 2 được tận dụng để phun nước giảm bụi tại khu vực dự án; định kỳ nạo vét hệ thống rãnh thoát nước và ao lắng với tần suất 01 tháng/lần.

- Nước thải nhà vệ sinh được xử lý qua 01 bể tự hoại 03 ngăn (thể tích 5,0 m³) và nước thải nhà ăn được xử lý qua 01 bể tách dầu mỡ (thể tích 2,5 m³) qua hệ thống rãnh thu gom về ao lắng 02 ngăn để tiếp tục xử lý.

- Nước thải sau xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, mức B - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp và QCVN 14:2008/BTNMT, mức B - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt.

3.2. Về xử lý bụi, khí thải

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân theo Thông tư số 04/2014/TT -BLĐTBXH ngày 12/2/2014 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Xây dựng nội quy, quy trình cho từng khâu, từng hoạt động trong khai thác như: vận hành thiết bị, máy móc...

- Thực hiện phun nước dập bụi trên mặt bằng mỏ để hạn chế bụi trong quá trình bốc, dỡ, đổ đá ở khu vực bãi tập kết và khu vực tuyến tiếp nhận đá, phun nước làm ẩm bề mặt của đá trong quá trình bốc xúc. Tần suất phun nước trung bình là 02 lần/ngày, vào những ngày nắng, nóng, khô hanh tần suất phun nước tăng lên 04 - 06 lần/ngày.

- Phun nước dập bụi liên tục tại các miệng hàm của máy nghiền sàng đá.

- Thường xuyên quét dọn vệ sinh khu vực khai trường; phối hợp với chính quyền địa phương quét dọn, thu gom chất thải rơi vãi trên tuyến đường ngoại mô.

- Các phương tiện vận tải và máy móc phải tuân thủ quy trình kiểm định của Cục Đăng kiểm Việt Nam, có chứng chỉ an toàn kỹ thuật và môi trường; định kỳ bảo dưỡng, đảm bảo tiêu chuẩn khí thải theo Quyết định số 249/2005/QĐ-TTg ngày 10/10/2005 của Thủ tướng Chính phủ.

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường:

- Chất thải sinh hoạt: Trang bị 03 thùng rác composite loại 60 lít tại khu vực khai trường; thu gom hàng ngày và hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển đi xử lý.

- Đất đá thải từ quá trình khai thác được lưu tại bãi thải có diện tích 1.500 m² (D x R = 50 x 30), tận dụng san lấp mặt bằng, cải tạo tuyến đường nội, ngoại mô.

3.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

Trang bị 01 thùng phuy có dung tích 200 lít đặt trong kho chứa chất thải nguy hại để thu gom dầu thải; 01 thùng phuy có thể tích 200 lít, thu gom chất thải rắn nguy hại. Các thùng chứa CTNH có dán nhãn và đặt trong kho chứa chất thải nguy hại. Định kỳ, hợp đồng với đơn vị chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định.

3.5. Biện pháp giảm thiểu tác động không liên quan đến chất thải

- Biện pháp giảm thiểu tác động do nổ mìn: Sử dụng nổ mìn bằng phương pháp nổ vi sai điện; thông báo cụ thể lịch nổ mìn cho người dân địa phương được biết; vị trí nổ mìn phải đảm bảo khoảng cách tối thiểu đến người và công trình là 292,0 m để đảm bảo an toàn do đá văng và sóng xung kích trong không khí.

- Biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn: Yêu cầu các chủ phương tiện thường xuyên kiểm tra thiết bị, đảm bảo chế độ kiểm định, bảo dưỡng xe máy theo quy định; trang bị bảo hộ lao động đầy đủ cho công nhân trực tiếp sản xuất...

3.6. Nội dung cải tạo, phục hồi môi trường

a. Phương án cải tạo, phục hồi môi trường được lựa chọn thực hiện

- Đối với khu vực moong khai thác: San gạt moong khai thác; lấp đặt biển cảnh báo nguy hiểm; bổ sung đất màu và trồng cỏ gừng tại moong khai thác.

- Đối với khu vực khai trường: Di dời máy móc, thiết bị; san gạt trả lại mặt bằng sân công nghiệp cho địa phương tiếp tục trồng cây hàng năm.

- Đối với khu vực đường ngoại mô: Nạo vét mương thoát nước; cải tạo lại tuyến đường ngoại mô.

b. Kế hoạch thực hiện; kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường

- Tổng kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường sau khi kết thúc khai thác mỏ là: **596.389.212 đồng.**

- Số lần ký quỹ 30 lần;
- + Số tiền ký quỹ lần đầu: **89.458.382 đồng**;
- + 29 (hai chín) lần tiếp theo, số tiền mỗi lần: **17.480.373 đồng**; Việc ký quỹ từ lần thứ hai trở đi phải thực hiện trước ngày 31 tháng 01 của các năm tiếp theo.
- Thời gian thực hiện việc ký quỹ lần đầu thực hiện trước khi xây dựng cơ bản mở.

- Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ Bảo vệ môi trường Thanh Hoá.

Số tiền nêu trên chưa bao gồm yếu tố trượt giá sau năm 2021. Yếu tố trượt giá được xác định bằng số tiền ký quỹ hàng năm nhân với chỉ số giá tiêu dùng của các năm trước đó tính từ thời điểm phương án được phê duyệt. Chỉ số giá tiêu dùng hàng năm áp dụng theo công bố của Tổng cục Thống kê cho địa phương nơi khai thác khoáng sản hoặc cơ quan có thẩm quyền.

3.7. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó với rủi ro, sự cố môi trường

- Sự cố sạt lở moong khai thác: Thực hiện các biện pháp kỹ thuật an toàn trong suốt quá trình khai thác mỏ; khai thác đúng thiết kế đã được phê duyệt; giám sát sự cố sạt lở moong khai thác; khi xảy ra sự cố, di dời người và thiết bị đến nơi an toàn, gia cố khu vực bị sạt lở.

- Sự cố tai nạn lao động: Lắp đặt bảng nội quy an toàn lao động; trang bị đầy đủ bảo hộ lao động theo quy định tại từng khâu sản xuất; tuyên truyền, tập huấn nâng cao ý thức người lao động. Khi xảy ra sự cố, kịp thời sơ cứu người bị nạn và đưa đi cấp cứu tại cơ sở y tế gần nhất, thông báo với các cơ quan chức năng quản lý lao động có liên quan.

4. Chương trình quản lý và giám sát môi trường (Giai đoạn hoạt động của dự án).

a. Giám sát chất lượng môi trường không khí

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.
- Thông số giám sát: bụi, tiếng ồn, độ rung, CO, NO₂, SO₂.
- Vị trí giám sát:
 - + 01 điểm tại khu vực khai thác;
 - + 01 điểm tại khu vực sản công nghiệp.
- Tiêu chuẩn so sánh:
 - + QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh;
 - + QCVN 06: 2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh;
 - + QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;
 - + QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung;
 - + QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc;

+ QCVN 26:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu, giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc;

+ QCVN 02:2019/BYT - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc.

+ QCVN 03:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc.

b. Giám sát chất lượng môi trường

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Thông số giám sát: pH; BOD₅; COD, Chất rắn lơ lửng; tổng N; tổng P, Tổng dầu mỡ khoáng, Coliform.

- Vị trí giám sát: 01 vị trí tại điểm xả thải sau hố lắng số 2 ra ngoài môi trường.

- Quy chuẩn áp dụng:

+ QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

+ QCVN 40:2011/BTNMT (Cột B): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp./.